TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Hiền.

2/ Bà Lê Thị Vân.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Chí Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 138/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024 về "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Hồng Y, sinh năm 1988 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp F, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh S, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp F, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Hồng Y trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Minh S tổ chức đám cưới vào năm 2008, có đăng ký kết hôn và được được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 07/2014 ngày 23/01/2014. Sau khi kết hôn chúng tôi làm nhà ở riêng bên gia đình chồng. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng ổn định nhưng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vào đầu năm 2023. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh S quen với người phụ nữ khác, hiện nay đã sống chung với người phụ nữ khác. Từ đó vợ chồng tôi thường xuyên cãi nhau là cho đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Tôi nhiều lần khuyên anh S thay đổi nhưng anh S không thay đổi. Gia đình hai bên có hòa giải tạo điều kiện để anh S thay đổi nhưng không có kết quả. Từ đầu năm 2023 đến nay

chúng tôi sống ly thân nhau. Chúng tôi không còn quan tâm, không còn liên lạc với nhau. Nay tình cảm không còn nên tôi yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 25/9/2010. Ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Minh S vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 14/5/2024 anh S trình bày: Tôi không đồng ý ly hôn vì tôi còn tình cảm vợ chồng, còn thương con.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 25/9/2010. Trường hợp nếu phải ly hôn thì tôi đồng ý giao con chung cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Hồng Y có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Minh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 tiến hành xét xử vắng mặt chị Y, anh S.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, theo đơn khởi kiện, chị Y yêu cầu được ly hôn với anh S, yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh S có nơi cư trú tại ấp F, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Y và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 07/2014 ngày 23/01/2014 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị Y trình bày mâu thuẫn giữa chị và anh S bắt đầu phát sinh từ đầu năm 2023. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh S quen với người phụ nữ khác và hiện nay đã sống chung với người phụ nữ khác. Từ đó vợ chồng chị thường xuyên cãi nhau làm cho đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị nhiều lần khuyên anh S thay đổi nhưng không có kết quả. Gia đình hai bên có hòa giải tạo điều kiện để anh S thay đổi nhưng không có kết quả. Hiện chị Y và anh S đã ly thân từ đầu năm 2023 đến nay.

Anh S không đồng ý ly hôn vì anh còn tình cảm với vợ, con.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, chị Y giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh S, không đồng ý đoàn tụ. Mâu thuẫn gia đình giữa chị Y và anh S đã phát sinh trong thời gian dài, anh S đã nộp đơn ly hôn với chị Y vào tháng 8/2023 sau đó anh S rút lại đơn khởi kiện để vợ chồng hòa giải tiếp tục chung sống nhưng không có kết quả mà tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và chị Y nộp đơn yêu cầu ly hôn. Từ đầu năm 2023 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn liên lạc gì với nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Y và anh S đã diễn ra trong thời gian dài, từ lúc chị Y nộp đơn ly hôn đến nay vợ chồng chị cũng không có giải pháp nào nhằm hàn gắn tình cảm gia đình. Anh S cho rằng còn tình cảm vợ chồng, không đồng ý ly hôn nhưng khi Tòa án triệu tập tới tham dự phiên hòa giải công khai chứng cứ và xét xử anh S đều vắng mặt. Mặc khác anh S trình bày không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con nhưng anh không đưa ra được giải pháp nào mang tính khả thi, có hiệu quả nhằm hàn gắn tình cảm để vợ chồng tiếp tục chung sống. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị Y và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Y là hoàn toàn có căn cứ, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, chị Y và anh S có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 25/9/2010. Xét thấy từ lúc chị Y và anh S ly thân nhau cháu T do chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Tại bản tự khai ngày 14/5/2024 anh S có ý kiến nếu phải ly hôn anh S đồng ý giao con chung cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Tại bản bản tự khai, cháu T cũng có nguyện vọng, mong muốn được sống chung chị Y. Do đó để đảm bảo môi trường sống ổn định cho cháu T, cần tiếp tục giao cháu T cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Y không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu về cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y và anh S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Y phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Hồng Y.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Hồng Y được ly hôn với anh Nguyễn Minh S.

2/. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 25/9/2010 cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh S chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Y chưa yêu cầu.

Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Y phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp theo biên lai thu số 0002485 ngày 26/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị Y đã thi hành xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Y, anh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã M, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Giang